

POLICIES AND LAWS ON THE DEVELOPMENT OF SCIENCE, TECHNOLOGY, AND INNOVATION THROUGH PUBLIC-PRIVATE PARTNERSHIPS

Tran Diep Thanh*

Received: May 01, 2025

Revised: May 15, 2025; Accepted: May 25, 2025

ABSTRACT

In recent years, the Party and the State have introduced a comprehensive framework of guidelines, policies, and strategies aimed at establishing and reforming management mechanisms and investment approaches to foster the development of science, technology, and innovation. However, numerous legal documents either lack essential provisions or contain inconsistent and uncoordinated regulations regarding investment through the public-private partnership (PPP) model. This has exposed a legal gap that may pose a systemic barrier to the swift and sustainable advancement of science, technology, and innovation in the near future.

This paper is divided into three sections. The first section provides an overview of public-private partnerships and their application in the fields of science, technology, and innovation, with a focus on examples of ongoing and completed projects both globally and in Southeast Asia. The second section critically examines Vietnam's policies and legal framework related to public-private partnerships. The final section presents innovative solutions to enhance the implementation of this cooperation model in Vietnam's science, technology, and innovation sectors, thereby contributing to the achievement of the objectives set forth by the Party and the State.

Keywords: *Innovation; law; policy; public-private partnership; science; technology.*

* Corresponding author

School of Interdisciplinary Sciences and Arts Vietnam National University, Hanoi.
Email: tdthanh@vnu.edu.vn

CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO THEO PHƯƠNG THỨC HỢP TÁC ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ

Trần Điệp Thành*

Ngày nhận bài: 01 tháng 5 năm 2025

Ngày nhận bài sửa: 15 tháng 5 năm 2025; Ngày duyệt đăng: 25 tháng 5 năm 2025

TÓM TẮT

Thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành một hệ thống đường lối, chủ trương, chính sách về tạo lập và đổi mới cơ chế quản lý và phương thức hợp tác, đầu tư để phát triển phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, một số văn bản luật lại chưa quy định hoặc quy định không thống nhất, đồng bộ về hình thức đầu tư theo phương thức hợp tác đối tác công - tư. Điều này cho thấy một khoảng trống trong công tác xây dựng luật và có nguy cơ trở thành điểm nghẽn trong việc thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển nhanh và mạnh trong thời gian tới.

Bài nghiên cứu gồm 3 phần, trong đó, phần đầu tiên sẽ trình bày khái quát về hợp tác đối tác công - tư và dự án hợp tác công - tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm chứng minh thực tế đã và đang có những dự án thực hiện ở một số nước trên thế giới và khu vực Đông Nam Á. Phần thứ hai phân tích chính sách và pháp luật về PPP của Việt Nam và phần cuối cùng đề xuất giải pháp mang tính đột phá để thực hiện phương thức hợp tác này trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở nước ta trên thực tế, góp phần thực hiện nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Từ khoá: *Đổi mới sáng tạo; luật pháp; chính sách; hợp tác đối tác công - tư; khoa học; công nghệ.*

* Tác giả liên hệ

Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: tdthanh@vnu.edu.vn

1. GIỚI THIỆU

Trong hơn 10 năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành một hệ thống các chủ trương, chính sách về tạo lập và đổi mới cơ chế quản lý và phương thức đầu tư để phát triển phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây xin viết tắt là “KH, CN và ĐMST”) của nước ta. Một trong số các phương thức đầu tư được đề cập đó là đầu tư theo hợp tác đối tác công - tư (public-private partnership - PPP). Cụ thể như Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 1/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Kết luận số 50-KL/TW, ngày 30/05/2019, của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”; Nghị quyết số 52-NQ/TW ban hành ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII họp từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/02/2021; Quyết định số 569/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 ngày 11/05/2022. Đặc biệt, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia. Ngay sau đó, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 193/2025 ngày 19/02/2025 *Về thí điểm một*

số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tuy nhiên, các văn bản pháp luật của Nhà nước quy định về phương thức hợp tác PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST trong khoảng thời gian này lại chưa có sự điều chỉnh thống nhất và đồng bộ. Điều này cho thấy một vấn đề là các nghị quyết, chính sách của Đảng đã từng bước xác định cụ thể nhiệm vụ phải ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư PPP tuy nhiên Quốc hội, Chính phủ chưa thể chế hoá cụ thể nghị quyết, chính sách của Đảng thành các quy định của pháp luật về hợp tác PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST. Do vậy cần phải có một nhiệm vụ mang tính đột phá để khắc phục điểm nghẽn cho vấn đề này.

Bài nghiên cứu Chính sách và pháp luật phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo phương thức hợp tác đối tác công - tư gồm 3 phần, trong đó phần đầu tiên sẽ trình bày khái quát về hợp tác đối tác công - tư (PPP) và dự án PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST nhằm chứng minh thực tế đã và đang có những dự án PPP thực hiện ở một số nước trên thế giới và khu vực Đông Nam Á. Phần thứ hai phân tích chính sách và pháp luật PPP của Việt Nam quy định về PPP và phần thứ ba đề xuất nhiệm vụ mang tính đột phá để thực hiện phương thức hợp tác PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST ở nước ta trên thực tế, góp phần xây dựng và thúc đẩy nền kinh tế của Việt Nam phát triển bền vững trong xu thế hiện nay.

1.1. Khái niệm hợp tác PPP

Trên thế giới hiện nay, các nước vẫn chưa có một khái niệm chung và thống nhất về hợp tác PPP. Mỗi quốc gia, tổ chức khu vực và quốc tế quy định về hợp tác PPP khác nhau phụ thuộc vào đặc điểm thực tế của quốc gia, tổ chức mình. Ví dụ như ở Hoa Kỳ, Hội đồng quốc gia về Hợp tác công - tư đã định nghĩa: Hợp tác PPP là một thoả thuận hợp đồng giữa tổ chức công (liên bang, bang hoặc địa phương) và tổ chức tư nhân. Thông qua thoả thuận này, công nghệ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài sản của mỗi bên (cả công và tư) sẽ cùng phối hợp trong việc cung cấp dịch vụ hoặc cơ sở hạ tầng để sử dụng, khai thác và quản lý chung. Đồng thời với việc chia sẻ các nguồn lực chung, mỗi bên cùng hưởng lợi nhuận và gánh chịu những rủi ro, hậu quả xảy ra trong và sau quá trình hợp tác. Ủy ban châu Âu của Liên minh châu Âu cũng định nghĩa PPP là một thoả thuận giữa hai hay nhiều bên hợp tác cùng các mục tiêu chung để đầu tư nguồn lực, cùng chia sẻ trách nhiệm, lợi nhuận và rủi ro.

Theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thì PPP là sự hợp tác giữa các tổ chức công và tư trong lĩnh vực hạ tầng và các dịch vụ khác. Hợp tác PPP phân chia trách nhiệm, lợi nhuận và cả rủi ro giữa các đối tác công - tư theo một phương thức tối ưu. Các đối tác công trong PPP là các tổ chức nhà nước gồm các bộ, chính quyền địa phương và cả doanh nghiệp nhà nước. Các đối tác tư nhân gồm các nhà đầu tư tư nhân, doanh nghiệp (trong nước và nước ngoài), có thể cả các tổ chức phi chính phủ (NGOs) hoặc các tổ chức cộng

đồng (Community-based organisations - CBOs) - là các chủ thể thụ hưởng trực tiếp của dự án PPP.

1.2. Dự án hợp tác PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST trên thế giới và trong khu vực

Nói chung, hình thức hợp tác PPP được áp dụng rộng rãi trên thế giới trong hơn 30 năm qua, khi mà chính phủ của các quốc gia gặp phải những khó khăn, thách thức trong quản lý tài sản công và xây dựng các công trình hạ tầng về năng lượng, hệ thống cấp thoát nước, giao thông, thông tin liên lạc do thiếu nguồn lực cả về ngân sách, tài chính, vốn và nhân lực. Hợp tác PPP đã tạo ra hiệu quả đầu tư, cung cấp dịch vụ công có chất lượng do sử dụng và khai thác được kỹ năng, công nghệ hiện đại từ thế mạnh của khu vực tư nhân. Do vậy, hình thức hợp tác PPP đã được khẳng định ở nhiều nước trên thế giới, dần mở rộng số lượng và các mô hình, lĩnh vực dự án PPP từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển. Sau đây là một số dự án PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST ở một số nước trên thế giới và trong khu vực.

a) Hoa Kỳ: Quốc gia này có nhiều dự án PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST. Một trong số các dự án đang triển khai gần đây và thu được hiệu quả hợp tác là hợp tác PPP giữa NASA (National Aeronautics and Space Administration - Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa Kỳ) và SpaceX (Space Exploration Technologies Corporation - Tập đoàn Công nghệ Khám phá Không gian) của Nhà sáng lập Elon Musk thực hiện một số hoạt động lớn tiêu biểu như: Chương

trình Phi hành đoàn Thương mại (Commercial Crew Program) bắt đầu từ năm 2014 để phát triển các hệ thống không gian đưa phi hành đoàn lên Trạm Vũ trụ Quốc tế (ISS); Chương trình Artemis (Chương trình đưa con người quay trở lại Mặt Trăng); Dự án Cung ứng hàng hoá (Dịch vụ vận chuyển hàng hoá lên ISS bằng tàu Dragon); Dự án nghiên cứu không gian (triển khai các dự án nghiên cứu, quan sát vũ trụ, trái đất; phát triển vệ tinh). Hợp tác giữa hai đối tác công - tư này là để chia sẻ chi phí và rủi ro (NASA tài trợ một phần kinh phí, SpaceX cùng đóng góp tài chính, đầu tư công nghệ, vận hành và thương mại hoá sản phẩm dịch vụ). Lợi ích từ các Chương trình hợp tác giúp cho NASA khẳng định vị thế dẫn đầu trên thế giới trong lĩnh vực không gian, vũ trụ, tiết kiệm hàng chục lần chi phí do áp dụng công nghệ tái sử dụng tên lửa. Ngoài ra, thành công của hợp tác PPP giữa NASA và SpaceX đã khuyến khích nhiều tập đoàn tư nhân tham gia vào lĩnh vực công nghệ cao và đổi mới sáng tạo ở Hoa Kỳ.

b) Pháp: Cộng hoà Pháp có các dự án PPP tập trung vào lĩnh vực công nghệ thông tin và phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ. Một trong những dự án PPP nổi tiếng là Dự án nghiên cứu về năng lượng mặt trời thuộc Viện Quang điện (Institut Photovoltaïque d'Île-de-France - IPVF). Dự án PPP gồm có 6 Chương trình hợp tác giữa đối tác công là Bộ Năng lượng Pháp và các đối tác tư nhân gồm Tập đoàn TotalEnergies (Tập đoàn Năng lượng và Dầu khí đa quốc gia của Pháp), Tập đoàn Air Liquide (Tập đoàn khí công nghiệp đa

quốc gia), EDP (Tập đoàn điện lực Pháp) để tiến hành các nghiên cứu và phát triển năng lượng điện mặt trời, năng lượng tái tạo tiên tiến nhằm giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững kinh tế.

c) Đức: Cùng với Cộng hoà Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức cũng thúc đẩy nhiều dự án PPP trong KH, CN và ĐMST. Ví dụ như các dự án tại Trung tâm Einstein về Tương lai số (The Einstein Center Digital Future - ECDF) tất cả đều được thực hiện theo mô hình hợp tác PPP với sự phối hợp của đối tác công là Bộ Lao động Liên bang, Bộ Giáo dục và Nghiên cứu Liên bang cùng với hơn 20 tập đoàn, công ty và các tổ chức như: Tập đoàn Intel (Hoa Kỳ); Tập đoàn đa quốc gia SAP của Đức chuyên cung cấp các giải pháp phần mềm, quản lý chuỗi cung ứng và phân tích dữ liệu. SAP hỗ trợ các doanh nghiệp tối ưu hoá quy trình và ra quyết định dựa trên dữ liệu lớn; Telekom của Cộng hoà Liên bang Đức (công ty cung cấp dịch vụ viễn thông lớn nhất tại Đức: cung cấp dịch vụ internet, di động, giải pháp số hoá); Zalando (công ty chuyên bán lẻ trực tuyến của Đức, sử dụng công nghệ để cá nhân hoá trải nghiệm mua sắm và phát triển các giải pháp logistics thông minh).

d) Các nước Đông Nam Á: Các nước trong khu vực cũng triển khai các dự án hợp tác PPP như Chương trình Sáng kiến Quốc gia thông minh (Smart Nation Initiative) của Singapore với các dự án tiêu biểu như: Sáng kiến Quốc gia thông minh và Chính phủ số hoá thúc đẩy chuyển đổi số với sự hợp tác giữa chính phủ và các công ty công nghệ tư nhân giúp triển khai nền tảng Singpass (cho

phép xác thực và thực hiện các giao dịch kỹ thuật số trên các nền tảng dịch vụ công và tư); Dự án Nền tảng cảm biến quốc gia thông minh (Smart Nation Sensor Platform - SNSP) tích hợp cảm biến Internet vạn vật (IoT) để thu thập và phân tích dữ liệu đô thị, cải thiện các dịch vụ công. Các công ty tư nhân hợp tác vào dự án PPP này để cung cấp khoa học công nghệ cả phần cứng và phần mềm. Thái Lan cũng tập trung thúc đẩy các dự án PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST tại Dự án Hành lang Kinh tế phía Đông (Eastern Economic Corridor - EEC) có một số dự án PPP quan trọng gồm Dự án EEC Innovation Hub hợp tác giữa Chính phủ Thái Lan và Tập đoàn Mitsubishi nhằm tăng cường đổi mới công nghệ trong khu vực.

2. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HỢP TÁC PPP TRONG LĨNH VỰC KH, CN VÀ ĐMST

Về khái niệm hợp tác PPP, lần đầu tiên Chính phủ quy định trong Quy chế thi điểm đầu tư PPP (ban hành theo Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) (khoản 1, Điều 2). Khái niệm về hình thức đầu tư PPP này tiếp tục được quy định và bổ sung trong Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ (khoản 1, Điều 3), Nghị định số 63/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 4/5/2018 (Điều 3). Đến năm 2020, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư tại kỳ họp thứ 9 ngày 18/6/2020 (Luật Đầu tư PPP 2020) đã quy định chính thức về khái niệm đầu tư theo phương thức PPP: “là phương thức đầu tư được thực hiện trên

cơ sở hợp tác có thời hạn giữa Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP nhằm thu hút nhà đầu tư tư nhân tham gia dự án PPP”, “Hợp đồng dự án PPP” là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP về việc Nhà nước *nhượng quyền* cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thực hiện dự án PPP” (khoản 10 và khoản 16, Điều 3, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14). Như vậy, khái niệm PPP nêu trên đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và pháp luật, thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, so sánh với các quy định về khái niệm PPP của các nước thì quy định của nước ta hiện nay còn chưa rõ ràng về sự phối hợp và chia sẻ 3 nguồn chung (3R) gồm nguồn lực, lợi nhuận và rủi ro (resources, rewards and risks). Các chủ thể tư là một bên ký kết hợp đồng PPP cũng giới hạn mà không mở rộng như các nước khác bao gồm cả nhà đầu tư tư nhân là NGOs hay CBOs (Trần Diệp Thành và cộng sự 2024: 201).

2.1. Về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước

Ngay từ giai đoạn đầu tiên khi xác định “phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu”, Đảng đã ban hành Nghị quyết *Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến 2000* (Nghị quyết số 02/QG/HNTW ngày 24/12/1996). Nghị quyết số 02 nêu tám giải pháp chủ yếu, trong đó có giải pháp số 4: “*Tăng đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn*”. Như vậy,

Đảng đã xác định cần phải mở rộng các hình thức đầu tư để phát triển KH và CN từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm: ngân sách nhà nước từ các chương trình, dự án đầu tư (công), tài chính (vốn) của doanh nghiệp (tư) huy động cho nghiên cứu đổi mới, cải tiến công nghệ không phải chịu thuế, mặc dù vào thời điểm này mô hình hợp tác PPP chưa được áp dụng phổ biến ở nước ta (chỉ có một hình thức Xây dựng- Vận hành- Chuyển giao, gọi tắt là B.O.T).

Sau 16 năm kể từ Nghị quyết số 02 năm 1996, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 1/11/2012 *Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*. Nghị quyết đánh giá thực trạng về hoạt động KH và CN trong những năm qua “nhìn chung còn trầm lắng, chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội”. Cụ thể, Nghị quyết số 20 đã chỉ ra thực tế “*việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động khoa học và công nghệ chưa được chú trọng; đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao*” và lý do nguyên nhân chủ yếu là do: “Nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền nhận thức về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ chưa thật đầy đủ, chưa coi đây là nhiệm vụ trọng tâm... *Việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ còn thiếu chủ động, quyết liệt...*”. Để khắc phục tình trạng này, Nghị quyết số 20 đã đề ra định hướng phát triển KH và CN đến

năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với quan điểm được tiếp tục khẳng định: “Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung *cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước* trong hoạt động của các ngành, các cấp” nhằm đạt được mục tiêu “*để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI*”.

Kết luận số 50-KL/TW, ngày 30-5-2019, của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa” đã đánh giá sau thời gian thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 “*Tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia được tăng cường. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được thúc đẩy, lan tỏa trong xã hội. Thị trường khoa học và công nghệ bước đầu phát triển, nhưng “so với mục tiêu Nghị quyết đã đề ra, kết quả đạt được còn hạn chế*”. Để khắc phục những tồn tại và hạn chế, Ban Bí thư đã chỉ đạo 6 nhiệm vụ và giải pháp yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp tập trung thực hiện. Trong đó có nhiệm vụ số 2: “*Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính*

và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ... Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Tiếp tục thúc đẩy, *khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư* cho khoa học và công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo; tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; *đẩy mạnh hợp tác công - tư*, hình thành trung tâm mô phỏng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh”. Như vậy, trong Kết luận số 50 của Ban Bí thư đã chỉ đạo nhiệm vụ cho các cấp đảng, chính quyền phải *hoàn thiện thể chế (chính sách và pháp luật) về đầu tư, đẩy mạnh hợp tác công - tư* (hợp tác PPP) trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST.

Ngay sau đó, Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019, của Bộ Chính trị về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” nêu rõ vai trò quan trọng của KH, CN và ĐMST đối với phát triển kinh tế, xã hội của đất nước trước thách thức và cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tuy nhiên hiện tại KH, CN và ĐMST “chưa thực sự là động lực phát triển”. Do vậy nhiệm vụ được đề ra phải “Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng” với 8 chủ trương và chính sách, trong đó đáng chú ý là nội dung số 2: *Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc*

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia, Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. *Sửa đổi các quy định về đầu tư theo hướng* tạo thuận lợi cho các hoạt động thu hút vốn, mua cổ phần, mua bán sáp nhập doanh nghiệp công nghệ; các nhà đầu tư nước ngoài góp vốn vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.”

Đến Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII họp từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/02/2021, Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo “thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững” và đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội là “đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; *hoàn thiện hệ thống pháp luật*, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, *khắc phục những điểm nghẽn* cản trở sự phát triển của đất nước... *Các đột phá chiến lược*: 1) *Hoàn thiện đồng bộ thể chế chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng*

xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. *Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công - tư*”.

Thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, ngày 11/2/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển KH, CN và ĐMST đến năm 2030, trong đó đề ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển KH, CN và ĐMST, bao gồm: “1. Đổi mới cơ chế hoạt động KH, CN và ĐMST, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KH, CN và ĐMST: *Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật về khoa học và công nghệ, các luật liên quan để phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển KH, CN và ĐMST nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KH, CN và ĐMST... Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư...*”; “3. Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho KH, CN và ĐMST: *Hoàn thiện cơ chế đối tác công tư, hành lang pháp lý cho đầu tư thiên thần, các quỹ đầu tư mạo hiểm, các quỹ đầu tư cộng đồng, các nền tảng công nghệ số huy động vốn đầu tư nhằm huy động thêm các nguồn lực đầu tư cho KH, CN và ĐMST*”.

Hệ thống các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước chỉ đạo về mở rộng và thu hút các nguồn lực, đầu tư cho KH,

CN và ĐMST từ những năm 1990, đặc biệt là mô hình hợp tác đối tác công - tư (PPP) đầu những năm 2010 cho thấy Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực này: “Phát triển KH, CN và ĐMST là quốc sách hàng đầu”, để đạt được các mục tiêu chiến lược mà Nghị quyết Đại hội Đảng XIII (2021) và Chiến lược phát triển KH, CN và ĐMST đến năm 2030 đã đề ra. Đặc biệt, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia tiếp tục nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại”, “là yếu tố quyết định phát triển của quốc gia... là thời cơ tốt nhất để đưa nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc”. Trong các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 57, Bộ Chính trị chỉ đạo “Tăng cường đầu tư... với *cơ chế hợp tác công tư* để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực của nhà nước là chủ yếu”. Như vậy, bắt đầu từ năm 2012 với Nghị quyết 20, Đảng đã yêu cầu phải có cơ chế huy động mọi nguồn lực để phát triển KH, CN và ĐMST. Các Kết luận và Nghị quyết sau đó đều chỉ đạo các nhiệm vụ, giải pháp để huy động nguồn lực trong đó có nhiệm vụ ưu tiên sửa đổi, hoàn thiện, tổ chức thực hiện tốt hình thức hợp tác PPP.

2.2. Về pháp luật điều chỉnh hợp tác PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST

Như đã trình bày ở nội dung trên, đầu tư theo hình thức PPP mới được quy định

lần đầu tiên tại Điều 4, Quy chế thí điểm đầu tư PPP ban hành theo Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mặc dù vậy, trong 8 “lĩnh vực thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư” theo Quy chế này đã không quy định lĩnh vực KH, CN và ĐMST (lúc đó là khoa học và công nghệ). 5 năm sau đó, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chính thức về hình thức PPP, đồng thời quy định các “*công trình khoa học và công nghệ*” thuộc lĩnh vực đầu tư này (khoản 1, Điều 4, Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015).

Sau 3 năm thực hiện Nghị định số 15 về đầu tư theo hình thức hợp tác đối tác công tư, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/05/2018 đã quy định hoàn chỉnh hơn và mở rộng hơn không chỉ giới hạn “*công trình khoa học và công nghệ*” mà là “*lĩnh vực khoa học và công nghệ*” của các hợp đồng dự án “*để xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình hạ tầng, dịch vụ công*” (Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/05/2018).

Một điều đáng chú ý là trong giai đoạn này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1931/QĐ-TTg ngày 07/10/2016 về việc Phê duyệt đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” với mục tiêu “*nhằm giải quyết các vấn đề lớn của ngành, lĩnh vực; thúc đẩy sự hợp tác và gắn kết giữa các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư trong hoạt động*

khoa học và công nghệ”. Bộ Khoa học và Công nghệ cũng ban hành Thông tư số 11/2017/TT-BKHCN ngày 11/8/2017 quy định quản lý thực hiện Đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1931/QĐ-TTg ngày 07/10/2016. Điều này thể hiện nỗ lực quyết tâm của Nhà nước, Chính phủ trong việc hoàn thiện thể chế để thu hút các nguồn lực, hình thức đầu tư, trong đó có hợp tác PPP thúc đẩy phát triển KH, CN và ĐMST, mặc dù có những quy định chưa phù hợp với hợp đồng đối tác công - tư (ví dụ như tại khoản 3, Điều 2 Thông tư số 11 quy định: “*Hợp đồng đối tác công - tư là thỏa thuận tự nguyện bằng văn bản, không ràng buộc về pháp lý, được các đối tác công và đối tác tư ký kết để hình thành quan hệ đối tác thành lập và triển khai thực hiện chương trình PPP*”).

Sau 3 năm thực hiện Đề án thí điểm theo Quyết định của Thủ tướng và 2 năm thực hiện Nghị định số 63 năm 2018 của Chính phủ về áp dụng đầu tư PPP trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, năm 2020 Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật Đầu tư PPP 2020 quy định giảm từ 8 lĩnh vực xuống chỉ còn 5 và không có lĩnh vực KH, CN và ĐMST. Trước nhiều ý kiến của các nhà khoa học và chuyên gia về việc không nên hạn chế các lĩnh vực đầu tư PPP trong đó có lĩnh vực KH, CN và ĐMST, Quốc hội đã thông qua Luật số 57/2024 ngày 29/11/2024 sửa đổi mở rộng ra tất cả các ngành, lĩnh vực (trừ các dự án thuộc ngành, lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội).

3. ĐỀ XUẤT VỀ GIẢI PHÁP CHO PHÁT TRIỂN KH, CN VÀ ĐMST THÔNG QUA HÌNH THỨC HỢP TÁC PPP

Qua nghiên cứu cho thấy đã và đang có các dự án về KH, CN và ĐMST theo hình thức PPP thành công ở các nước trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á như ở Singapore và Thái Lan. Đảng và Nhà nước ta cũng đã nhận thấy vai trò của hình thức hợp tác này để ban hành các chính sách kể từ Nghị quyết số 20 NQ/TW ngày 01/11/2012 “*Về phát triển khoa học và công nghệ...*”. Tuy nhiên, pháp luật lại chưa thể chế hoá theo đúng chủ trương, chính sách cụ thể này thể hiện việc có khoảng trống trong 5 năm từ 2020 đến 2025 đã không quy định lĩnh vực KH, CN và ĐMST được áp dụng hình thức hợp tác PPP. Điều này cho thấy cơ quan Nhà nước thuộc các ngành, các cấp vẫn chưa thực hiện chủ trương huy động, phát huy hết các nguồn lực, đầu tư... cho phát triển KH, CN và ĐMST như trong các nghị quyết và chính sách của Đảng và Nhà nước. Gần đây, Nghị quyết 193 của Quốc hội ban hành ngày 19/2/2025 *Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia* đã quy định những biện pháp hỗ trợ, chính sách phát triển cho một hoạt động mới là chuyển đổi số quốc gia, nhưng cũng không đề cập đến hình thức PPP trong cơ chế, chính sách thí điểm đặc biệt nhằm tạo đột phá.

Lý luận và thực tiễn đã chứng minh thể chế (kinh tế và chính trị) có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, tạo ra sự thịnh vượng bền vững của các quốc gia (Trần

Điệp Thành 2024: 7). Điều này đã được thể hiện trong các công trình nghiên cứu đoạt Giải Nobel Kinh tế của các tác giả D. C. North (Douglass 1990: 3 - 10), D. Acemoglu, Simon Johnson và J. A. Robinsons (Daron và cộng sự 2012: 92 - 93). Tổng Bí thư Tô Lâm cũng chỉ đạo về thực hiện các giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt về thể chế để phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, luật pháp cần phải thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khuyến khích áp dụng sự đổi mới sáng tạo, tạo ra một môi trường pháp lý thống nhất bảo đảm cho khoa học và công nghệ mới được phát triển bằng mọi nguồn lực và các hình thức đầu tư, trong đó có hợp tác PPP. Sau một thời gian (5 năm) không được khuyến khích áp dụng hình thức hợp tác PPP trong lĩnh vực KH, CN và ĐMST, Luật sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư PPP 2020 (Luật số 57/2024 ngày 29/11/2024) đã cho phép áp dụng với những quy định chung. Tuy nhiên, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan cần khẩn trương ban hành Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện. Đồng thời, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo (Dự thảo) đang được Quốc hội thảo luận và dự kiến thông qua trong năm 2025 cũng cần bổ sung một số quy định về hình thức hợp tác PPP để điều chỉnh thống nhất khuyến khích mọi nguồn lực, đầu tư phát triển lĩnh vực quan trọng nhất này. Dự thảo luật và các văn bản quy phạm hướng dẫn thi hành cũng cần cân nhắc để quy định rõ ràng hơn nhằm đảm bảo các nguyên tắc hợp tác hai bên (công - tư) cùng hưởng lợi, phân chia rủi ro và chia sẻ trách nhiệm (3R), thu hút được ngày càng nhiều khối tư nhân

(nhà đầu tư, doanh nghiệp, nhà khoa học) tham gia vào dự án do đặc thù của các dự án trong lĩnh vực này thường rủi ro cao, lợi nhuận thấp, thời gian hoạt động kéo dài hàng chục năm.

Tóm lại, Đảng và Nhà nước đã khẳng định: “Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là quốc sách hàng đầu, đóng vai trò *đột phá chiến lược* trong giai đoạn mới; là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả; là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia...”. “Đất nước ta đang đứng trước yêu cầu cần có chủ trương, quyết sách mạnh mẽ, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”. Chính vì vậy, Nhà nước cần phải có những giải pháp mang tính chiến lược, đột phá, áp dụng đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Một trong những giải pháp nhằm khắc phục điểm nghẽn về thể chế trong lĩnh vực này là cần xác định nhiệm vụ nhất quán, đột phá là *hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư và hợp tác đối tác công - tư (PPP)* để Quốc hội, Chính phủ, các Bộ làm căn cứ thể chế hoá thành các quy định cụ thể, rõ ràng trong các đạo luật, nghị định, thông tư thực hiện việc thu hút tất cả các nguồn lực và các hình thức đầu tư, trong đó có hợp tác đối tác PPP để phát triển mạnh mẽ và vững chắc lĩnh vực “*quốc sách hàng đầu - KH, CN và ĐMST*”. Điều này cũng thể hiện việc phối hợp đồng bộ, thống nhất giữa Đảng và Nhà nước trước nhiệm vụ ưu tiên phát triển KH, CN và ĐMST trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ADB-Public-Private Partnersip Handbook. <https://www.adb.org/sites/default/files/institutional-document/31484/public-private-partnership.pdf>. Truy cập ngày 10/3/2005.
- Douglass C. North (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. Cambridge University Press.
- Daron Acemoglu and James A. Robinsons (2012). *The Origins of Power, Prosperity, and Poverty - Why Nations Fail*. New York: Grown Publisher.
- ECDF. Public-Private-Partnership. <https://www.digital-future.berlin/en/research/public-private-partnership/>. Truy cập ngày 12/04/2025.
- “Giới thiệu Chương trình của IPVF1: Phân tích và các cơ hội kinh tế - kỹ thuật”. <https://www.ipvf.fr/en/lars-oberbeck-introducing-ipvf-programme-1-techno-economic-analyses-and-opportunities/>. Truy cập ngày 08/04/2025.
- Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Ket-luan-50-KL-TW-2019-thuc-hien-Nghi-quyet-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-phuc-vu-cong-nghiep-hoa-424360.aspx>. Truy cập ngày 30/4/2025.

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14. *Cổng thông tin điện tử Chính phủ*, <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=200452&classid=1&typegroupid=3>. Truy cập ngày 30/4/2025.
- Luật số 57/2024/QH15. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=212485&classid=1&orggroupid=1>. Truy cập ngày 30/4/2005.
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-dinh-15-2015-ND-CP-dau-tu-theo-hinh-thuc-doi-tac-cong-tu-266213.aspx>. Truy cập ngày 30/4/2005.
- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/05/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. *Cổng thông tin điện tử Chính phủ*. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?%20pageid=27160&docid=193610>. Truy cập ngày 15/03/2005.
- Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/nghi-quyet-so-20-nqtw-ngay-01112012-hoi-nghi-lan-thu-6-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-phat-trien-khoa-hoc-va-576>. Truy cập ngày 12/04/2025.
- Nghị quyết số 193/2025 ngày 19/2/2025 Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=92821>. Truy cập ngày 30/04/2025.
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-quyet-52-NQ-TW-2019-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-Cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu-425113.aspx>. Truy cập ngày 20/11/2024.
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. *Báo Điện tử Chính phủ*. <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang102288263.htm>. Truy cập ngày 30/4/2025.
- Nghị quyết số 02 của BCHTW Đảng ngày 24/12/1996 “Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến 2000”. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Nghi-quyet-02-NQ-HNTW-dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-khoa-hoc-va-cong-nghe-127646.aspx>. Truy cập ngày 26/03/2025.
- Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia.

<https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-119241224180048642.htm>. Truy cập ngày 30/4/2025.

PPP projects in Thailand's EEC. <https://www.inhousecommunity.com/article/ppp-projects-thailands-eeec/>. Truy cập ngày 30/4/2025.

Quyết định số 569/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. *Cổng thông tin điện tử Chính phủ*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205759>. Truy cập ngày 30/4/2025.

Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Quy-dinh-71-2010-QD-TTg-Quy-che-thi-diem-dau-tu-theo-hinh-thuc-doi-tac-114188.aspx>. Truy cập ngày 30/4/2025.

Quyết định số 1931/QĐ-TTg. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=186667>. Truy cập ngày 30/4/2025.

Thông tư số 11/2017/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 11/8/2017. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Thong-tu-11-2017-TT-BKHCN-quan-ly-thuc-hien-de-an-Thi-diem-co-che-doi-tac-cong-tu-363775.aspx>. Truy cập ngày 15/04/2025.

“SpaceX Demo-2 Will Showcase Public-Private Partnership Benefits”.

<https://blogs.nasa.gov/commercialcrew/2020/05/07/spacex-demo-2-will-showcase-public-private-partnership-benefits/>. Truy cập ngày 20/03/2025.

Singapore Smart Nation.

<https://www.smartnation.gov.sg/frameworks-and-blueprints/>. Truy cập ngày 30/4/2025.

Singapore GovTECH.

<https://www.tech.gov.sg/media/media-releases/government-to-partner-industry-to-spark-innovation-and-build-capabilities-in-a-smart-nation/>. Truy cập ngày 22/04/2025.

“Tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt về thể chế”. *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. <https://dangcongsan.vn/thoisu/thao-go-nhung-diem-nghen-nut-that-ve-the-che-684919.html>. Truy cập ngày 10/12/2024.

Trần Điệp Thành (2024). *So sánh Thể chế Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Pháp*. Hà Nội: NXB Thế giới

Trần Điệp Thành và các tác giả (2024). *Vai trò của đối tác công - tư trong phát triển các ngành công nghiệp văn hoá ở Việt Nam*. Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển thị trường văn hoá Việt Nam trong bối cảnh mới, tháng 11/2-24, tr. 199 - 212. Hà Nội: NXB Thế giới.

UN trade and development. “What are PPPs?”. *Investment Policy Hub*. <https://investmentpolicy.unctad.org/pages/27/what-are-ppps>. Truy cập ngày 30/04/2025.